



Cơn Gió Bụi

Chúc Thanh

Mùa thu, mùa Vu Lan còn níu kéo, mùa còn tưởng nhớ tới mẹ, tới cha. Tôi tưởng nhớ tới dì tôi, dì đây là mẹ kế, người bước sau một bước sau mẹ tôi vào gia đình bên nội tôi.

Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu sao dì tôi lại thành thân với cha tôi một đoạn đường và ngược lại. Nếu nói theo xưa, họ có duyên nợ vợ chồng chăng? Chớ thật ra hai người đó là hai mẫu người hoàn toàn trái ngược nhau từ hình dáng lẫn tính tình. Cha tôi, da trắng, dáng thư sinh, học thức, có nhiều tư tưởng sắc bén, ông nghiêm khắc pha lẫn lẳng mạn. Cha tôi ham làm việc về trí óc nhưng có lúc cũng cần cù và khéo tay. Ông có lần đeo và bảo cho tôi một đôi guốc mộc bé bé xinh xinh lúc còn ở quê. Đôi guốc mà tôi nhớ mãi là tôi ôm trên tay nhiều hơn là để luồn vào chân. Ông nóng tính nhưng cũng suy nghĩ nhiều, không vội vã. Còn dì tôi vóc dáng không phục phịch nhưng khá lớn con và chắc nịch, cái chắc của một trong muôn vàn người đàn bà ở quê, chăm chỉ ruộng vườn, tham công tiếc việc. Dì tôi đó, da hơi sạm màu, răng đen nhánh với nụ cười tươi, người phúc hậu đầy vẻ chân phương và ít thấy ốm đau, hầu như không bao giờ.

Tôi chỉ nhớ lơ mơ là lúc mẹ tôi mất đi, một khoảng thời gian là ông bà nội làm đám cưới giết tới hai con heo và một con bò, rìng rang cưới xin đón dì tôi về thế chỗ mẹ tôi. Nhà nội tôi ngày mùa, nhà đông công thợ gặt hái, cần phải có người quán xuyến và cần một người kế mẫu cho tôi. Khi tôi bắt đầu có trí nhớ, khi tôi thấy thằng cu em do dì sinh ra đã ở bên tôi, hai chị em cùng lớn lên, chơi cùng nhau, tìm cào cào, châu chấu, đuổi bướm hái hoa suốt quãng đời thơ ấu bên nhau. Dĩ nhiên là cũng có lúc cãi nhau, rồi lại chơi lại vui vẻ. Có những ngày chị em tôi đi cắt vó tép, có ngày cùng hè nhau chạy băng ngang cánh đồng vì vút đuổi theo tiếng sáo diều lên cao. Những buổi chiều mùa hạ ở thôn quê thật êm ả với đầy những sợi mây hồng vương trong gió. Có những chiều đông rét mướt, hai chúng tôi ngồi co ro trên thềm gạch, đợi dì về cho ăn cơm tối. Dì tôi đi làm đồng, dì khéo léo hay tát vũng đĩa mang về những con tôm vàng đầy bụng trứng, có ngày là những con cá rô béo ngậy. Hai chúng tôi nhìn nhau háu những con tôm con cá nướng vàng chảy mỡ và cong lên trên gắp lửa rơm. Mùi cá chín thơm pha lẫn mùi cơm gạo mới bốc hơi ngọt lịm. Dì đợi hai chị em tôi ăn xong, người vết nôi ăn cơm cháy với chút đồ ăn còn lại hay với chút muối mè và rau dền luộc đồ cạch. Dì tôi chỉ thích ăn như vậy.

Quê tôi, ngày đó, đồng chua nước mặn, Thái Bình, gần biển ở vùng Bắc Việt xa xôi lắm. Ngày đó, ruộng vườn khít khao và giăng ngang dọc như mắc cửi, những năm 1950-1954, thời chưa cộng sản và nông dân tự do làm ruộng vườn riêng tư, của ai nấy lo làm, dù đôi khi nghe có chiến tranh Việt-Pháp rình rập ở xa xa.

Dì bước vô đại gia đình, ngồi thế chỗ mẹ tôi, người canh tác ruộng đất của nhà chồng, ngoài ra người còn làm thêm phần ruộng đất bên ngoại đã chia cho mẹ tôi lúc trước. Dĩ nhiên bà có quyền ấy vì bà nghiêm nhiên nuôi tôi với tấm tình âu yếm nồng nàn, không phân biệt con đẻ con chồng. Cha tôi thì không phải là một nông dân thuần túy. Ông còn bao nhiêu mộng ước, chí lớn chí nhỏ canh cánh bên lòng. Cha tôi ngày còn trẻ tuổi, đất nước ở giai đoạn giằng co giữa Việt Minh, quốc gia kháng chiến và chính quyền Pháp thuộc, cha tôi tự cho mình một trách nhiệm với quê hương, nên ông đi đi về về Thanh Hóa, Đông Nam, Quỳnh Côi, Phỉ Dục, Yên Bái... tôi có hỏi ông, ông bảo là ông đi có việc. Hồi đấy, chúng tôi còn quá nhỏ để hiểu biết những việc riêng tư của cha, chỉ thấy đơn giản là ông ít ở nhà, chỉ có mặt vào những ngày kỵ giỗ, ngày tết... rồi ông lại vội ra đi với cái túi sách vắt vai và một cây đàn banjo đeo bên sườn.

Dì tôi an phận ở quê nhà, làm việc và nuôi con. Nói cho vắn vè là bà phải ghé cả hai vai gánh vác giang sơn nhà chồng. Cả ngày bà lặn lội ngoài đồng ruộng, cấy bừa và trông coi công thợ mùa gặt hái, cắt rạ, đếm công. Bà thấy hạnh phúc vô biên trong công việc. Chỉ rất thỉnh thoảng, trời làm mưa dầm gió bắc, phải tạm ngưng công việc ở ngoài, người ở nhà xay thóc để có gạo ăn hằng ngày. Những ngày hạnh phúc đó, dì tôi vừa đàn, vừa sàng gạo vừa dạy chị em tôi hát những câu vè rất phổ thông:

Bà ơi cho cháu một xu

Cháu mua bánh gù cháu gọi về Nam

Ba cháu đi làm chè tàu thuốc lá

Mẹ cháu ở nhà, khổ quá bà ơi...

Dì chỉ biết hát loanh quanh vài câu thể thơ. Hoặc:

*Con cò lặn lội bờ ao
Gánh gạo nuôi chồng nước mắt nỉ non
Người về nuôi cái cùng con
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng*

Rồi bà dừng ở giữa những câu đó, mang gạo đã trắng đi cất. Bà không thể văn nghệ hơn một chút nữa! Ngay cả với cha tôi, dì cũng chân phượng mộc mạc, bà không thích đưa đẩy hay sẵn đón dù cha tôi thuộc mẫu người lãng mạn và tình cảm. Rõ ràng là dì tôi không phải người lý tưởng như cha tôi mong muốn. Mỗi lần cha tôi ghé về nhà, bà cũng mau mắn lo cơm nước cho ông, rồi úp lồng bàn bê khay cơm để lên phần, sau đó bà vội chụp nón lên đầu ra đồng ngay. Cha tôi quay qua quay lại không thấy bà đâu, ngồi ăn một mình, rồi lấy túi đàn ra, người nhẹ tay khéo léo lần từng cung bậc rồi khẽ khẽ hát theo:

*Tung cánh chim tìm về tổ ấm
Nơi sống bao ngày giờ đầm ấm*

Cũng có lần ông cố ý dạy chị em tôi hợp ca với ông, được chốc lát, hai đứa tôi nhớ nhặng quá làm ông chán, ông lại ca một mình: “Ngoài *hiên giọt mưa thu thánh thót rơi...*” Nhạc của Đặng Thế Phong và Bùi Công Kỳ buồn đứt ruột. Cha tôi cũng say mê bản “Đêm Đông”, ông đờn ca nhiều lần mà mãi sau này, lớn lên sống xa cha, mỗi lần nghe ca sĩ Bạch Yến hát lại, tôi vẫn luôn bồi hồi nhớ về quãng đời thơ ấu xa xưa. Tôi có thể nghe rất nhiều lần bài ca ấy mà không hề chán, lần nào nghe, tôi cũng có cảm giác ghen ngào như là trong lần đầu tiên. Tôi cũng không quên một điệp khúc “*Hải Phòng nơi chân trời xa, Hải Phòng bao êm đêm qua*” nghe hoài, riết, tôi nghĩ chắc là bố tôi đã có một đồng chí, một người yêu nào... ở Hải Phòng! Cũng nhiều lần bố tôi đã phải phạt tôi và cu em quỳ gối vì ông tập cho tụi tôi ca bài “Tiếng hát sông Lô”, ông cố gắng hết sức mà không xong vì tiếng đàn làm chúng tôi không tập trung được, thì chúng tôi cũng đồng ca mà ca như chế nhạo bài nhạc.

Như tôi đã kể, dì tôi có thằng cu, nó kém tôi hai tuổi, dì tôi cảm nhận đó là điều may mắn trời cho. Cha tôi quý em tôi vì nó giống ông lắm. Còn tôi, ông thương không kém vì lẽ tôi mồ côi mẹ sớm. Dì thì thấy chị em tôi riu rít bên nhau, bà coi tôi như một đứa con gái của bà, bà sẵn sóc vỗ về, tắm gội cho tôi luôn. Tôi thấm tình thương của dì qua những ân cần đó. Rồi càng lớn lên, tôi càng thương dì hơn vì bản tính dịu hiền, nhẫn nại và đơn giản của bà. Dì tôi mỗi lần đi chợ phiên là hay dắt theo hai đứa con cho đi chơi luôn. Chợ phiên một tuần lễ mới họp một lần, chợ rất đông, chợ Giành, chợ Hời, chợ Diêm Điền, Quang Lang, Hồ Đội, Bao Hàm... ở chợ nào dì cũng dắt chúng tôi ăn thỏa thuê những món quà đặc biệt: nem rán, thịt quay với xôi, bún sáo măng... món nào cũng béo ngậy và thơm điếc mũi mà tôi thấy không ở đâu, sau này, còn tìm được những hương vị, những cảm giác dạt dào ấy.

Dì tôi vốn không biết chữ, mù tịt, không cả a cũng không cả b, nhưng bà có tài đếm tiền không bao giờ làm lẫn. Chú Thi, là con nuôi ông bà, chú là người tá điền trung thành và là một phụ tá đắc lực bên cạnh dì mà chú cũng không biết đếm tiền nhanh và giữ tiền chắc chắn như dì. Đây là dì không biết chữ đấy. Có một lần địa phương khởi xướng phong trào chống nạn mù chữ. Họ kiếm chuyện đặt bảng hỏi chữ ở cổng chợ Giành. Ai đọc thông quốc ngữ thì đi vô ra chợ tự nhiên, ai không đọc nổi chữ thì phải quay về, khỏi vô chợ, hoặc cứ muốn vào thì phải chui qua lỗ chó chui. Dì tôi chịu thua, người lúng túng lùi xa bảng hỏi chữ, không mua bán gì nữa, đi về vậy! Nhưng khi thấy mặt mũi chị em tôi thất vọng, bà dứt khoát quay lại lạ làng chui để vào chợ. Tội nghiệp dì lúng túng, mặt hơi đỏ, kéo lê cái thúng đi chợ, lách, bò lọt qua lỗ hồng hẹp! Gần như phải bò. Hai đứa tôi vội vã chui theo, bám sát gấu váy dì y hết hai con chó con nín vú mẹ. Vừa chui qua rào dì tôi cắp thúng đi vội vã, chị em tôi lẻo đẻo vừa chạy theo vừa nhìn quanh nhón nhác sợ, mà sợ cái gì thì không biết! Chỉ biết hôm đó dì còn nặng túi tiền nhưng bà lơ là không có ý đợi tụi tôi ăn quà vồn vã y mọi lần. Kéo áo nhắc bà, bà nói lạ ăn gì ăn đi, ăn mau còn về.

Hồi đấy, xa xưa, quê tôi Thụy Anh, nằm giữa vùng ảnh hưởng của Pháp và Việt Minh, gọi là **vùng tề**. Nhưng thật ra, ban đêm Việt Minh về kêu dân đi họp và đóng thuế cho mặt trận. Cũng có nhiều người theo họ vì lý tưởng quốc gia, sau nhận rõ Việt Minh tàn ác và duy vật cộng sản, nên rất nhiều người đi kháng chiến ban đầu đã bỏ Việt Minh, họ trốn về các thành phố như Kiến An, Hà Nội, Hải Phòng... gọi là **dinh tề**. Người dân vùng quê chịu một cổ hai tròng, ban đêm Việt Minh áp bức, ban ngày chính quyền Pháp bảo hộ lấy có truy

quét Việt Minh, tổ chức cai trị làng xã, thị uy, đặt lý trường, thứ chỉ, tiên chỉ của mỗi đơn vị dân cư để, kiểm soát.

Dân Việt Nam ở quê thời bấy giờ khó ngủ yên, ban ngày không được làm việc sinh hoạt bình thường. Rất nhiều lần, súng đạn hai bên giao tranh làm người dân phải rủ nhau đi tản cư lánh nạn, ít ngày tạm yên tiếng súng, người người lại rủ nhau lục tục kéo về làm ruộng rẫy để mưu sinh. Giữa tình cảnh bất an đó, chú Thi tôi có lần khuyên dì, dì là chủ nhỏ trong nhà nhưng làm việc nhiều, dì có thể quyết định nhiều việc không thua ông hay bà và cả bố tôi. Chú nhiều lần đề nghị:

– Hay là chị ơi, chị thưa với ông bà mình bán đi một ít vườn ruộng, bán đi ít nhiều lấm lúa, mình mang tiền đó sang Kiến Sương, Tiền Hải lập một ngôi hàng xén buôn bán có lẽ hay hơn làm ruộng ở đây.

Dì lắc đầu phản đối:

– Tôi không biết buôn bán.

– Chị đếm tiền, giữ tiền giỏi, ông bà không tin tưởng ai bằng chị.

– Giữ tiền nhiều không hẳn là buôn bán giỏi, tôi yêu ruộng vườn, tôi thích sống ở làng quê.

– Ở quê, chị không thấy khổ sao? Thi đó, cả hai ông, ông Việt Minh và ông Tây có để yên cho chị cày, bừa, cấy, hái không? Chị không thấy à... cái lần chạy loạn vừa rồi nhà ta đã xuyết chết hụt mấy lần.

– Tôi thấy, sợ lắm, mà thôi ráng chờ đi, ờ thì những thằng việt minh thì kiếm cách giết chết mấy thằng tây thực dân, rồi mấy thằng tây lại giết chết mấy thằng việt minh. Thứ đồ chết tử chết tiệt! Thôi cứ chờ cho hai đứa nó giết lẫn nhau, cho đến khi cả hai đứa đó cùng chết hết, chết cả đi là yên chuyện...

– Nhưng chị chờ đến bao giờ chúng nó mới chết tiệt... chúng nó có dàn trận đánh nhau lớn đâu mà chết hết đi cho mình sống yên. Thi chị thấy những lần đi chạy loạn tản cư đó đó, cái thằng bố mẹ việt minh lâu lâu rình cấn trộm thằng tây một cái, thằng tây điên lên nổi khủng bắn loạn xạ, đốt nhà chúng ta... chẳng thấy chết thằng V.M. nào cả, chỉ thấy chúng ta chạy trốn tan tác rồi khói lửa mịt mờ...

Đúng là vậy, khi đồn bót tây bắn ô bi, đại bác lên các làng việt Nam thì việt minh đã vắt chân lên cổ cao chạy xa bay rồi, chỉ có dân là hoảng sợ chạy loạn... Chạy loạn hình như là chạy lung tung, vô hướng... chạy loạn là cái nghiệp dân của Việt Nam. Mới đầu cứ gọi là tản cư, đi giạt từ vùng nọ qua vùng kia... chỗ nào yên bình hơn là tới, ít ngày sau lại trở về, có những lần chạy kịp là may thoát chết, có những lần chạy không xong là có người bị bắt, bị bắn chết, trong làng lại có vài đám ma, lại buồn thiu ủ giột ít ngày... Tôi cũng không hiểu sao, nhờ vào phép lạ nào mà chúng tôi còn sống đến ngày nay. Dì tôi cứ nói là có ông bà linh thiêng, trời phật cao xa che chở, chớ lần nào có giặc tới càn là chúng tôi cũng chạy sau hết mọi người vì dì tôi là người tham công tiếc việc nghe đồn có Tây lên, mà người còn thu vén áo quần, cho gà ăn, cho rơm vô chuồng trâu bò, cài then các kho lúa, v...v... Khi ba người chúng tôi thoát ra khỏi làng, đã nghe loáng thoáng tiếng súng “cắc bọp” gần sau lưng, dì đi sau mọi người, mà cứ thấp thoáng nghe ngóng tình hình tạm êm êm là lò dò về trước, dì sợ ruộng quá khô phải gia công tát nước, mạ non quá cao mất nhiều ngày cấy. Vậy mà bà nói là bà không sợ cả Việt Minh lẫn Tây, bà chỉ sợ con trâu cái là vốn liếng của bà lỡ có bê nào mà bị chúng nó ngửa tay bắn lằm thì nguy!

Cứ thế, giặc giã, loạn ly, ruộng vườn giàng co theo năm năm tháng tháng. Cho đến một ngày nào đó ông bà tôi quá già yếu ra đi. Các cô tôi lần lượt về nhà chồng. Năm 1950 cha tôi không lang thang nữa mà về quê sống. Ông cũng biết đi bó rạ, biết cuốn và cắt phơi thuốc lào, thuốc lá, gia đình tôi cũng có ít ngày hạnh phúc. Nhưng rồi cảnh ruộng bó bất an ở làng quê cứ tiếp diễn làm cha tôi chán nản. Sau tết nguyên đán 1951, người bỏ đi tay không lạng lẽ qua Nam An, Cổ Cát, tìm đường ra Hải Phòng. Tội nghiệp dì tôi luyến tiếc những ngày hạnh phúc vụt qua, người mở hầu bao lấy ra vài hào lẻ thuê người viết thư nhắn nhủ chồng: “*Em mong anh đi chín về mười...*” đấy những lời thư kể mẫu tôi thiêng liêng là thế, mà mãi sau này tôi mới hiểu nó thật vô nghĩa với cha tôi. Ông cho là cái lương ông không thích nghe, vì ông đã tìm thấy ở Hải Phòng nơi chân trời xa một hình bóng khác! “*Đàn ông họ tệ bạc quá!*” Dì tôi khóc. Điều này tôi đồng ý với dì, tôi cũng khóc. Hình như tôi khóc nhiều hơn cả dì, vì dì là người đàn bà nhà quê, không có ý vượt qua lũy tre xanh của làng đi học i tờ thì làm sao dám ra thành phố tìm chồng, mà tìm làm gì khi người ta không còn yêu thương mình nữa? Thư đi hoài mà không có hồi âm riết rồi dì tôi chán và cam phận. Thỉnh thoảng dì la rầy tội tôi bằng những lời vu vơ nhỏ nhỏ.

Năm 1952, cha tôi cho người về đón tôi ra tỉnh sống với người. Những ngày đầu tiên ở phố phường tôi rất khổ sở vì cảnh sống ràng buộc. Tôi khóc bao nhiêu ngày, ầm ức, tôi nhớ em tôi, nhớ kể mẫu, nhớ quê nhà, nhớ từ con đường đi lối về chợ, nhớ cánh đồng ngoài nội. Tôi từng khóc lóc xin trở về sống với dì và em. Cha tôi bảo:

– Không được, con đã lớn, con phải ở gần bố để còn đi học.

Tôi năn nỉ ông mang cu em ra đây cùng đi học, mặt cha tôi đỏ bừng, người xuống giọng nhỏ nhẹ như xin lỗi:

- Bố cũng muốn như vậy lắm mà không được, mang nó đi rồi dì con sẽ thương nhớ nó mà chết mòn mỗi.

Tôi bệu bạo nói,

- Cha mang dì theo luôn.

Ông chỉ thờ dài.

Tôi cứ việc khóc và nhịn cơm. Cha tôi khuyên can đôi ba lần không xong rồi bỏ mặc. Người phải đi làm việc. Khóc riết mặt mũi sưng vù rồi tôi cũng phải ngừng. Đói quá rồi tôi cũng phải ăn. Thế là hết, hết những buổi chiều vàng què hương, hết chị hết em. Tôi khắc khoải nhớ kể mẩu tôi và tôi cũng mất kể mẩu tôi từ đó. Trong giấc ngủ thị thành, tôi còn mơ thấy nụ cười đen nhánh của bà và tấm váy sồi theo gió đông đưa soàn soạt, như ở bên tôi. Cũng trong những giấc ngủ thị thành tôi mơ tưởng mãi về một nơi xa xa, nơi có cây sung sai trái, nơi có cây khế nở đầy từng chùm hoa tím rung rinh. Tôi có lần còn nằm ngủ và thấy rõ ràng hai đứa ngồi chơi ở bờ ao, nghịch bèo rồi lộn nhào xuống nước, mặt nước có những vòng tròn với bóng hai con bọ ngựa tan loãng xa lền lền rồi mất tăm.

Thời gian qua mau không ngờ. Năm 1955 cha và tôi di cư vào Nam và không còn liên lạc tí gì với quê nhà. Chúng tôi sống ở Sài Gòn, cha tôi xây dựng lại cơ ngơi, người có vợ khác và tôi có thêm nhiều em sau đó. Tôi lớn lên, đi học, đi làm việc, rồi tôi cũng có một gia đình riêng, hình ảnh quê hương ngày thơ ấu lụi xa dần và mất hút trong ký ức. Đôi lúc nhớ về người kể mẩu thân thương, tôi kể cho chồng tôi nghe về bà, tôi còn đoán chắc là bà đã nhớ tôi nhiều lắm, tội nghiệp... Chồng tôi phán rằng:

- Nếu em ở lại quê với dì, em đã được mặt váy sồi, đội khăn mỏ quạ và đi gánh lúa hiên ngang bằng đòn càn...

Tôi lặng người hồi tưởng và chiêm ngưỡng trong lòng một giây, một bóng dáng nhạt nhòa thân thương ngày bé.

Ngày 30/04/1975 Sài Gòn, cả miền Nam rơi vào tay cộng sản Bắc Việt. Một số người ở miền Bắc và có cả người ở quê tôi, lần mò vào Nam kiếm thân nhân. Dân đi tập kết cũng về tập nập. Một số người buôn bán thấy cộng sản chưa kịp ra tay siết họng, nên họ đi đi về về buôn hàng từ Nam ra Bắc. Nửa năm sau ngày mất miền Nam, còn ở lại đó tôi đã được gặp em tôi. Chuyện gia đình thiêng liêng là thế mà cả hai chị em ngần ngại một điều gì, ít khi nói tới. Chúng tôi mừng rỡ được gặp lại nhau và chỉ nói toàn chuyện vu vơ, ngoài lề cuộc sống. Mãi sau em tôi kể rằng sau hiệp định Genève, chia đôi đất nước thì cuộc sống ở Bắc hoàn toàn thay đổi, từ ngoài xã hội tới trong gia đình. Gia đình em, dì và em tôi không còn trú ngụ được trong những gian nhà khang trang của ông bà nội nữa, may mà được cho ở trong chuồng trâu, cạnh nhà bếp, đàn trâu thì vào hợp tác xã. Tôi thoát hỏi em.

- Còn cây nhãn lồng cạnh chuồng trâu còn sai trái không? Mỗi mùa nhãn có còn có chim khuyen đến nhiều không?

- Chị rõ lẫn thần. Mọi thứ đã khác xưa rồi. Cây nhãn đó em chặt nó lâu rồi. Em đốn nó vào một đêm mưa bão. Tại vì mình không được quyền có nó nữa thì mình để nó làm gì. Kỷ niệm có ăn được đâu, em phá bỏ cây nhãn mẹ em thì tiếc ngẩn ngơ và mọi người cứ tin là gió lớn nó phải gãy đổ. Còn chỗ vườn có cây kiềng mà ông nội mình trồng những cây vạn niên thanh thì chúng đã lãnh đủ một trái bom, chỗ đó giờ là một cái ao. Mẹ em vào làm nông cho một hợp tác xã làng, đó là nhờ chú Thi cậy cục xin cho. Nhà em neo người, có hai mẹ con, nên chưa phải đói lắm, chớ có năm thiên hạ xung quanh đói nằm ngòì la liệt.

Tôi tròn xoe mắt thán phục và em tôi cứ tiếp tục giải thích:

- Mẹ em vốn thiệt thà, mà rồi hợp tác xã nhà nước khát khe quá, nên bà ấy phải vụng trộm lấy lén từng nắm gạo giấu trong quần áo lót. Nhưng nếu chú Thi đong đếm mà cho lén thì bà từ chối vì sợ. Ngày ngày khi được một nắm, khi được hai nắm gạo mà nuôi em.

- Rồi làm sao mà nấu nướng mà ăn?

cây vạn niên thanh

- Thì chiều chiều, chạng vạng tối tối, đợi thật trễ khi nhà trên họ đi họp hành, mẹ ngâm gạo từ chiều trong cái nồi nhỏ cho gạo nở ra là tắt đèn, nấu vụng, bùng bùng, mẹ và em ăn cơm trong bùng, trong bóng tối và phải ăn ít ít. Lần nào em cũng được ăn trước, mẹ ăn sau mẹ nắm và vắt cơm nhỏ nhỏ, ăn chậm rãi như nhai trầu. Mẹ ăn và luôn nhớ tới chị, mẹ bảo mẹ đang ăn cái phần ăn nhỏ bé của chị.

Em tôi mô tả cảnh sống cơ hàn với nét mặt bình thản, nó đã quen rồi và cũng chẳng cần quan tâm gì tới nỗi xúc động nơi tôi.

- Thế không bao giờ nhà nước bán gạo cho dân sao?

- Có, nhưng rất thỉnh thoảng, người ta ăn khoai mì, khoai lang nhiều rất nhiều hơn gạo lúa, thế nên ở Bắc Kỳ người ta không cần tó cái rá vo gạo nữa!
- Nó cứ kể lể lung tung, tôi phải ngắt lời:
- Mẹ còn khỏe không?
- Mẹ em trời thương, ít khi đau yếu. Cách nay chừng mười năm, vì bị mất đôi bông tai vàng, lại bị quy vào tội ăn cắp, bà tức uất lên, đau dài dài cả năm ròng.
- Mẹ khá nhỉ, lại còn có cả bông tai vàng ư?
- Ôi, chị nói vậy tại không hiểu chuyện thôi, ăn còn không đủ, làm sao mua vàng, vàng đây là đôi bông tai của bà nội từ xưa. Khi bà mất bà mang theo, sau này, người ta quy hoạch hợp tác xã, đuổi nghĩa địa. Mẹ em sang cát cho bà rời đi nơi khác. Trong lúc mày mò tìm, người kiếm lại được vàng của bà nội. Mẹ em kín đáo lắm, chẳng ai biết. Mãi 20 năm sau, lo chuyện cưới vợ cho em, mẹ mang hai chỉ vàng vào tận Nam Định bán chui lấy tiền lo cho em, lần ấy, mẹ mừng lắm vì đã mấy lần mẹ đi hỏi vợ cho em rất khó khăn. Lần đi bán vàng mẹ tin là bà nội phù hộ, mà lại thất bại, vì bị công an tra hỏi tiền và vàng ở đâu ra? Mẹ khai thật và bị quy tội là lấy vàng của cải của nhà nước, bà phải nộp trả cho nhà nước và đi tù vì tội ăn cắp của công! Còn em, chị hỏi em làm nghề gì hả? Em làm thợ mộc, thợ bào lê tề để kiếm ăn, em là con nhà Việt gian, có bố đi Nam, em không được vào hợp tác xã nào cả, em cũng không được vào quân đội hay một ngành nghề gì.

Nhìn em và nghe chuyện nó kể tới đó, tôi thoáng thấy nó mất hết vẻ tinh anh của một con người. Nó mất thần khí, buồn buồn, cái buồn hiu của một con người bị gạt hoàn toàn ra ngoài lề xã hội dù là một xã hội bản hàn rách nát. Đợi cho em uống hết ly nước ngọt tôi đổi đề tài:

- Mẹ giờ già rồi, mẹ có nhắn gì không ?
- À, mẹ em nói nếu vô đây mà gặp được chị, nói nếu chị có tiền thì mua cho mẹ ba mét vải. Phòng khi mẹ đi theo ông bà, có mà liệm.
- Vải mà làm gì... còn sống, lo ăn mà sống.
- Ở các thành phố, đô thị, người ta có chút tiền không biết sao, chứ ở trong quê nghèo, mỗi hộ chỉ có một cái chiếu cói. Liệm xác chôn xong lại rút chiếu về, để đến lượt người khác. Mẹ em không muốn thế, mẹ nói khi xưa có làm mồ cho làng cũng còn được chôn cất tử tế, ngày nay thời cộng sản, mới làm vậy, mẹ nói mẹ có tiền gì đâu mà khi chết phải chôn trần.
- Ờ, ờ, chị sẽ mua vải cho mẹ.
- Chị này, mẹ em lạ lùng lắm, bà ấy cứ tưởng là bà ấy còn giàu có lắm. Đem về, khó ngủ, mẹ lại nhắc với em nói với chị nếu có dịp nào còn gặp lại, là nhà mình còn ba chục mẫu đất bên Đàm Dơi, mười sào ruộng tốt ở giữa làng có bằng khoán ruộng chiêm, ruộng mùa bên Ghò Rơi còn đủ cả. Là không bao giờ mẹ thấy được cái nghèo khó, đói khát cả bao nhiêu năm trời.
- Thế em gặp cha, thì cha, à mẹ có nhắn gì với cha không?
- Mẹ em không nhắn gì với ông... Có gì mà nói nữa? Chẳng hiểu sao ngày xưa họ lại lấy nhau.
- Thì ông bà mình muốn thế, duyên nợ vợ chồng của họ ngắn ngủi quá.

Rồi chị em tôi cùng im lặng, không đứa nào muốn nói gì nữa. Chúng tôi cũng thắm buồn, cái buồn của một cảnh gia đình ngang trái, của một vận nước ngả nghiêng, rối bời, và của hết cả những cuộc đời dang dở. Trong cái bóng tối mờ mờ của một ngày sắp tàn, tiếng muỗi vo ve, chúng tôi ngồi yên lặng nhìn nhau, thoáng trong ánh mắt giao nhau như bùng lên những kỷ niệm xa xăm vụt hiện về vụt tắt.

- A, có một điều này, chị nhắc em mới nhớ ra.
- Điều gì?
- Thì mẹ em nhắn với ba là cái mền sakymen thàng rời của cô Cả Đậu mang giùm từ Nam ra Bắc, nói là ba mua biểu mẹ. Nhưng mẹ nói đó không phải là quà ba cho mẹ đâu, mà là ba trừ nợ, vì gần nửa thế kỷ trước, có lần ba từ nhà quê ra đi, ba đã mang theo cái chăn dạ của mẹ. Mẹ bảo cái chăn đó của mẹ ấm lắm. Em chưa nói, em sợ làm phiền lòng mọi người trong nhà.
- Tôi đồng ý với em, thôi bỏ qua đi, đừng khơi lại chuyện cũ buồn lòng mà chẳng lợi ích gì cho ai.

Mà dì tôi là như thế đó, một người chân phượng, giản dị, nhưng chắc chắn, chắc chắn cả với vết thương lòng thắm kín của bà. Bao nhiêu năm khói lửa chiến tranh, bom rơi đạn nổ, thương hải biển vi tang điền, lại bị xã hội cộng sản hà khắc đầy ải, dì tôi vẫn cố bám lấy quê chồng, với một lòng thủy chung nguyên vẹn. Bà không quên được kỷ vật cũ, tấm chăn dạ ấm, đó là biểu hiện của hạnh phúc vợ chồng, một tấm tình thân ái nồng nàn của một quãng đời ngắn ngủi mà chồng bà đã lấy mất mang đi.

Chúc Thanh